

I. NEW WORDS

1.notebook	: vở, sổ tay
2.cable car ride	: cáp treo
3.Golden Bridge	: cầu vàng
4.wax museum	: viện bảo tàng tượng sáp
5.amusement park	: công viên giải trí
6.well-known	: nổi tiếng
7.late	: trễ
8.place	: nơi chốn
9.move	: di chuyển
10.really	: thực sự